

hôn, nhưng có trường hợp vì sinh kế, vì con cái hay vì tình cảm, người vợ lẽ muốn đoàn tụ thì giải quyết cho đoàn tụ.

Trong các trường hợp a, b, d nói trên, nếu có dấu tố mà thành có mâu thuẫn sâu sắc về tình cảm không thể trở về với nhau được nữa thì tòa án sẽ tùy trường hợp cho ly hôn nhưng cần giải thích kỹ để cố gắng đi đến chỗ hai bên thuận tình ly hôn để tránh thành kiến và xích mích giữa hai bên có hại cho đoàn kết nông thôn.

B. — NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý TRONG KHI GIẢI QUYẾT NHỮNG VIỆC LY HÔN

1 — Trong khi giải quyết các việc vợ chồng bỏ nhau nói trên, phải dựa vào thực tế của từng việc, phải vận động giáo dục, dùng cách thương lượng điều giải cho hai bên thông cảm với nhau, phải hết sức thận trọng và tránh hai khuynh hướng:

Hoặc ngại khó khăn gian khổ, không kiên trì vận động giải thích, nên dễ dãi cho ly hôn trong trường hợp xét ra còn có khả năng đoàn tụ.

Hoặc gò ép máy móc cho đoàn tụ trong trường hợp không còn khả năng đoàn tụ nữa.

2 — Đối với những vụ xử cho ly hôn, không nên đặt vấn đề bồi thường sinh lễ.

3 — Đối với vùng công giáo và vùng dân tộc thiểu số thì phải chiếu cố đến phong tục, tập quán riêng biệt về tôn giáo hoặc dân tộc mà giải quyết.

4 — Nằm vững trọng tâm. Trong thực tế, loại việc bỏ nhau này rất phức tạp, không thể giải quyết ngay cùng một lúc được. Cần nắm vững trọng tâm trong sửa sai là giải quyết trước những vụ vợ chồng bỏ nhau mà chưa bên nào lấy vợ lấy chồng khác vì để lâu một bên đi lấy người khác sẽ lại gây thêm khó khăn.

Trên đây không nêu lên vấn đề tranh giành con cái và thanh toán tài sản khi ly hôn, vì cách giải quyết những vấn đề này nói chung sẽ theo đường lối chung đối với các vụ ly hôn thông thường.

C. — PHƯƠNG PHÁP

Vấn đề giải quyết những việc vợ chồng bỏ nhau vì sai lầm trong giám tó và cải cách ruộng đất cần phải kết hợp chặt chẽ đoàn thể và chính quyền từ trên xuống dưới, nhất là các đoàn thể nông hội, phụ nữ, thanh niên. Cần đi sâu tìm hiểu tư tưởng và nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng và gia đình hai bên. Phải kiên trì giáo dục chính sách, giải quyết tư tưởng trong trường hợp có khả năng đoàn tụ với nhau.

Để chấm dứt tình trạng vận động bỏ nhau rồi đi lấy vợ lấy chồng khác, tòa án và các đoàn thể

nên vận động để việc bỏ nhau và việc lấy chồng mới vợ mới được hợp pháp (như là ra án cho ly hôn hoặc khai kết hôn chính thức).

Hà-nội, ngày 19 tháng 4 năm 1957

K.T. Bộ trưởng Bộ Tư pháp

Thứ trưởng

TRẦN CÔNG TƯỜNG

THÔNG TƯ số 2037-HCTP ngày 29-5-1957 về việc thi hành Sắc lệnh áp dụng nguyên tắc hai cấp xét xử đối với các vụ án chính trị.

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Kính gửi:

Các ông Công tố ủy viên và Chánh án các tòa án nhân dân phúc thẩm, các tòa án nhân dân thành phố và tỉnh.

Đồng sao kính gửi các ông Chủ tịch Ủy ban Hành chính liên khu, khu, thành phố và tỉnh.

Từ trước tới nay, đối với các việc hộ và việc hình thường, nguyên tắc hai cấp xét xử đã được thực hiện. Trái lại đối với các vụ phạm pháp về chính trị, từ Cách mạng tháng Tám tới nay, trong kháng chiến cũng như từ khi hòa bình đã được lập lại, theo Sắc lệnh số 21-SL ngày 14-2-1946 và số 156-SL ngày 17-11-1950 vẫn chỉ xử một cấp và xử chung thẩm ngay.

Nay Sắc lệnh số 12-SL ngày 30 tháng 3 năm 1957, mở rộng nguyên tắc hai cấp xét xử cho cả những vụ phạm pháp về chính trị vì những lý do dưới đây:

Sau Cách mạng tháng Tám, nhân dân ta mới giành được chính quyền phải đối phó với tình hình gay go phức tạp hồi đó, rồi bắt tay vào cuộc kháng chiến trường kỳ và ác liệt, cho nên trong hoàn cảnh đó, một số nguyên tắc pháp lý dân chủ chưa được thực hiện đầy đủ. Ngày nay, trong hòa bình, nguyên tắc hai cấp xét xử là một nguyên tắc căn bản của tố tụng dân chủ, cần được thực hiện đầy đủ không những đối với các việc hộ và việc hình thường mà còn đối với cả các vụ phạm pháp về chính trị. Có như vậy mới đảm bảo được quyền chống án của bị can và của Công tố viện để việc xét xử được thận trọng, chính xác và đúng pháp luật hơn và để hạn chế những sai lầm có thể xảy ra trong việc nhận định sự thực hoặc thích dụng pháp luật.

Trước kia, tuy các vụ án chính trị đều thuộc thẩm quyền xét xử của các tòa án nhân dân phúc thẩm, nhưng trong thực tế thì các tòa án này đã không sử dụng được thẩm quyền đó và đã ủy quyền cho các tòa án nhân dân tỉnh xét xử hầu hết các vụ án chính trị. Sở dĩ có tình trạng như vậy là vì giao cho tòa án nhân dân tỉnh xử các vụ phạm pháp về chính trị thì việc xét xử được nhanh chóng và kịp thời hơn. Mặt khác cũng là do hoàn cảnh kháng chiến, đường giao thông khó khăn, liên lạc có lúc bị gián đoạn, tòa án nhân dân phúc thẩm không hoạt động được bình thường, phải ủy quyền cho tòa án nhân dân tỉnh xét xử.

Sắc lệnh số 12-SL ngày 30 tháng 3 năm 1957 nói trên giao cho tòa án nhân dân tỉnh thẩm quyền xét xử sơ thẩm các vụ án về chính trị là phúc đáp được yêu cầu thực tế đồng thời giải quyết tình trạng bất hợp pháp là chế độ ủy quyền xét xử; chế độ này không còn lý do tồn tại nữa trong hòa bình và trong khi chúng ta tăng cường chế độ pháp trị dân chủ.

Mặt khác các tòa án nhân dân phúc thẩm và tòa án nhân dân tỉnh đã được dần dần tăng cường thì việc xét xử hai cấp đối với các vụ phạm pháp về chính trị không gặp khó khăn trở ngại nhiều như trước nữa.

Nói tóm lại, nguyên tắc hai cấp xét xử cần được thực hiện đầy đủ đối với các vụ án chính trị cũng như đối với các việc hộ và hình thường mà trong điều kiện hiện tại chúng ta có thể làm được.

★

Trong việc thi hành Sắc lệnh số 12-SL ngày 30-3-1957 nói trên, Bộ nhận thấy có một số vấn đề cụ thể cần giải quyết hoặc nhắc lại như sau :

I. — PHẠM VI ÁP DỤNG SẮC LỆNH SỐ 12-SL NÓI TRÊN

Tất cả vụ án chính trị kể cả các vụ án tồn tại sau cải cách ruộng đất, chưa xử, sẽ do tòa án nhân dân tỉnh hoặc thành phố xử sơ thẩm; nếu có chống án sẽ do tòa án nhân dân phúc thẩm xử lại.

Những vụ án chính trị mà hiện nay các tòa án nhân dân phúc thẩm còn đương điều tra chưa xong thì vẫn tiếp tục điều tra, khi nào hoàn thành hồ sơ sẽ gửi về tòa án nhân dân tỉnh hoặc thành phố xử sơ thẩm.

Đối với những vụ án chính trị đã xử chung thẩm rồi, dù là bản án chưa thi hành, vẫn có hoàn toàn hiệu lực của bản án chung thẩm, Sắc lệnh số 12 không thi hành đối với bản án đó, nghĩa là đương sự hoặc Công tố viện không có quyền chống án để đem ra xử lại lần thứ hai, trừ trường hợp

phát hiện sai lầm cần phải thi hành thủ tục tái thẩm hoặc tiêu án đối với bản án có hiệu lực chung thẩm thì không kể.

II. — BIỆT LỆ TRONG VẤN ĐỀ XÉT XỬ HAI CẤP

Thông tư số 1458-HCTP ngày 19-8-1955 của Bộ có đặt vấn đề biệt lệ trong việc thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử đối với các vụ án hộ và hình thường: « Tòa án nhân dân phúc thẩm nếu nhận thấy tính chất quan trọng của vụ án, thấy cần phải do tòa án nhân dân phúc thẩm xử thì có thể giữ lại để xử sơ thẩm và chung thẩm ngay ».

Trong tình hình tổ chức tư pháp của ta hiện nay và trong khi chúng ta chủ trương bảo đảm đầy đủ quyền bào chữa của đương sự thì biệt lệ nói trên cần phải bãi bỏ. Do đó đối với các vụ án về chính trị cũng như đối với các vụ án hình và hộ thì nhất luật thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử không có biệt lệ nữa. Cho nên Sắc lệnh số 12 không nói đến trường hợp biệt lệ.

III. — VẤN ĐỀ VẬN ĐỘNG NHÂN DÂN THAM DỰ PHIÊN TÒA CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN PHÚC THẨM XỬ CÁC BẢN ÁN BỊ CHỐNG ÁN

Khi tòa án nhân dân phúc thẩm xét xử lại các vụ án bị chống án thì, tùy từng trường hợp, hoặc có thể vận động nhân dân đến tham dự đồng đảo nếu xét thấy tòa án nhân dân tỉnh khi xử sơ thẩm chưa làm đến mức cần thiết; hoặc chỉ gọi hai bên đương sự và một số nhân chứng quan trọng để xét xử lại. Khi thấy cần phải vận động nhân dân tham dự đồng đảo thì tòa án nhân dân phúc thẩm nên xử lưu động về địa phương nơi xảy ra vụ án, mới có tác dụng giáo dục và gây được ảnh hưởng chính trị tốt đối với nhân dân.

Trong cuộc vận động này, tòa án nhân dân phúc thẩm sẽ phối hợp với tòa án tỉnh và các đoàn thể nhân dân tỉnh để đặt kế hoạch tổ chức phiên tòa.

Cần tránh hết sức hình thức xử bút lục vì đó là một hình thức duyệt án chứ không phải hình thức xử án công khai, trái với nguyên tắc tổ chức tư pháp của chúng ta.

IV. — QUYỀN CHỐNG ÁN VÀ THỜI HẠN CHỐNG ÁN

Tại thông tư số 1828-VIIC ngày 18-10-1955, Bộ đã nhắc lại cho các tòa án nhân dân về quyền chống án và thời hạn chống án về các vụ án hộ và hình thường. Thông tư này áp dụng cho cả các vụ án chính trị.

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +848-3845 6684 * 9668297

Trên đây là một số quy định bước đầu trong việc thực hiện hai cấp xét xử đối với các vụ phạm pháp về chính trị. Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn hoặc có kinh nghiệm gì, đề nghị các tòa án báo cáo cho Bộ biết để nghiên cứu.

Còn vấn đề thỉnh thị án, vấn đề lãnh đạo của Ủy ban Hành chính đối với Công tố viện và tòa án, Bộ đang nghiên cứu và sẽ có quy định sau.

Hà nội ngày 29 tháng 5 năm 1957

VŨ ĐÌNH HÒE

NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT-NAM

NGHỊ ĐỊNH số 244-NGĐ-NH ngày 28-5-1957 thành lập Phòng Doanh nghiệp Vĩnh yên trực thuộc Chi nhánh Ngân hàng Vĩnh phúc.

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT-NAM

Chiều sắc lệnh số 15-SL ngày 6-5-1951 thiết lập Ngân hàng quốc gia Việt-nam;

Chiều nghị định số 94-TTg ngày 27-5-1951 của Thủ tướng Chính phủ ấn định chi tiết tổ chức Ngân hàng quốc gia Việt-nam;

Theo đề nghị của ông Trưởng chi nhánh Ngân hàng Vĩnh phúc.

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay thành lập Phòng Doanh nghiệp Vĩnh yên trực thuộc Chi nhánh Ngân hàng Vĩnh phúc, kể từ ngày 1 tháng 6 năm 1957.

Điều 2. — Phòng Doanh nghiệp Vĩnh yên được hoạt động trong phạm vi 3 huyện: Tam đương, Lập thạch, Vĩnh tường và thị xã Vĩnh yên với số biên chế 12 cán bộ, công nhân viên.

Điều 3. — Các ông Chánh văn phòng, Giám đốc Vụ Kế toán thuộc Ngân hàng quốc gia Việt-nam và Trưởng Chi nhánh Ngân hàng Vĩnh phúc chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 28 tháng 5 năm 1957

LÊ VIỆT LƯỢNG

BỘ GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN

NGHỊ ĐỊNH số 128-NĐ ngày 24-5-1957 ban hành giá cước ô-tô chở hàng hóa trên những chặng đường ngắn.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN

Căn cứ đề nghị của Nha Giao thông;

Xét giá cước ô-tô chở hàng hóa trên những chặng đường ngắn có những điểm không hợp lý.

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay ban hành giá cước ô-tô chở hàng hóa trên những chặng đường ngắn theo biểu giá cước và thẻ thức thanh toán kèm theo nghị định này.

Điều 2. — Giá cước này sẽ thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 1957 thay thế cho giá cước đường ngắn ban hành từ ngày 18 tháng 11 năm 1955.

Điều 3. — Ông Chánh văn phòng Bộ Giao thông và Bưu điện, ông Giám đốc Nha Giao thông, các ông Chủ tịch Ủy ban Hành chính liên khu, khu, thành phố và các tỉnh trực thuộc trung ương chiếu nghị định thi hành.

Hà nội, ngày 24 tháng 5 năm 1957

K.T. Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bưu điện

Thứ trưởng

LÊ DUNG

BIỂU GIÁ CƯỚC VÀ THẺ THỨC THANH TOÁN CƯỚC Ô-TÔ CHỖ HÀNG HÓA ĐƯỜNG NGẮN

BIỂU GIÁ CƯỚC Ô-TÔ CHỖ HÀNG ĐƯỜNG NGẮN

QUẢNG ĐƯỜNG	GIÁ CƯỚC MỘT TẤN, CÂY SỐ				
	Đường loại 1	Đường loại 2	Đường loại 3	Đường loại 4	Đường loại 5
1 Cây số	2.038 đ	2.548 đ	3.261 đ	4.300 đ	6.053 đ
2 —	1.166	1.458	1.866	2.460	3.463
3 —	875	1.094	1.401	1.817	2.600
4 —	730	913	1.168	1.540	2.169
5 —	643	804	1.029	1.357	1.910
6 —	585	731	935	1.234	1.736
7 —	543	679	869	1.146	1.613
8 —	512	640	819	1.080	1.521
9 —	488	610	780	1.029	1.419
10 —	468	586	749	988	1.391
11 —	453	566	724	955	1.314
12 —	439	549	703	927	1.305
13 —	428	535	685	903	1.272
14 —	419	523	670	883	1.243
15 —	410	513	656	866	1.218

Từ cây số thứ 16 trở lên tính cước theo giá cước đường dài.

Thẻ thức thanh toán cước ô-tô chở hàng hóa đường ngắn:

Việc thanh toán cước ô-tô chở hàng hóa đường ngắn quy định như sau:

1) Căn cứ vào khối lượng hàng hóa và quãng đường xa gần đã chuyển vận tính thành tấn / cây số rồi lấy giá quy định trong biểu giá cước số 3246, tùy theo loại đường tính ra tiền cước.

LawSoff * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com